

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-PT
Ngày 23 - 12 - 2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2025/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “Xin ly hôn”

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 177/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096175011079, cấp ngày 18/11/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Công Dung – Luật sư của Văn phòng Luật sư Huỳnh Công Dung, Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Địa chỉ: Số 313, đường 1/5, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau nay là phường T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1970 (có mặt).

Chứng minh nhân dân số: 380685962, cấp ngày 03/4/2014.

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội (nay là phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Ông Võ Minh Khanh – Cán bộ phòng tổng hợp (cán bộ pháp chế) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Chi nhánh Trần Văn Thời – Cà Mau) (Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 80/QĐ-NHNoTVT-TH ngày 18/8/2025 – có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 6B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp 6B, xã S, tỉnh Cà Mau).

3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh S tự nguyện kết hôn vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau) nhưng giấy chứng nhận kết hôn bị mất nên không cung cấp được cho Tòa án. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi đã kéo dài nhiều năm không giải quyết được, do không hàn gắn được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông S, ông S cũng đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông S có 03 người con chung hiện tại đều đã thành niên, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự nên ông bà không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung:

+ Bà H yêu cầu chia gồm:

1/ Quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế 15.918,9m² tại ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau trong đó có 3.240m² do chuyển nhượng mà có, giá trị hiện tại là 225.000.000 đồng, phần đất còn lại do gia đình ông S tặng cho chung, giá trị hiện tại 1.140.000.000 đồng, tổng giá trị quyền sử

dụng đất là 1.365.000.000 đồng, đây là tài sản chung của bà và ông S không liên quan gì đến các con.

2/ Ngôi nhà gắn liền trên đất và vật dụng trong nhà giá trị hiện tại 225.000.000 đồng.

Tất cả tài sản nêu trên do ông S quản lý, bà H yêu cầu chia hai, không yêu cầu định giá.

+ Ông S xác định thống nhất theo ý kiến trình bày của bà H về tài sản, kể cả về giá trị, không yêu cầu định giá. Đối với ngôi nhà và vật dụng trong nhà do ông và bà H tạo lập cùng với 3.240m² đất do chuyển nhượng mà có là tài sản chung của ông và bà H nên ông đồng ý chia hai với bà H. Phần diện tích đất còn lại là tài sản riêng của ông vì ông được tặng cho riêng, không liên quan gì đến các con của ông và bà H, ông không chấp nhận chia theo yêu cầu của bà H.

- Nợ chung: Bà H và ông S thống nhất ông bà có các khoản nợ chung:

1. Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam nợ gốc 310.000.000 đồng và lãi phát sinh.

2. Nợ Nguyễn Văn C 100.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k.

3. Nợ bà Nguyễn Thị D trước đây vay 35 chỉ vàng 24k nhưng đã có trả một phần vốn và lãi đến năm 2022, nay yêu cầu Tòa án xem xét phần lãi và chỉ chấp nhận trả 11 chỉ vàng 24k.

Phần nợ của bà D và các khoản nợ của ngân hàng, Nguyễn Văn C bà H và ông S thống nhất chia hai vợ chồng cùng trả nợ. Mặc dù Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và ông C không có yêu cầu độc lập nhưng bà H và ông S vẫn chấp nhận đối trừ các khoản nợ này trong phần giá trị tài sản chung và để ông S trực tiếp thực hiện nghĩa vụ trả phần nợ này sau khi bà H và ông S ly hôn.

Đối với khoản nợ của bà D có liên quan đến khoản nợ của Trần Văn Quảng và bà Phan Xuân Nhị thiếu đã được giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 103/2023/QĐST-DS ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau hiện đang trong giai đoạn thi hành án, khi nào thu hồi được bà H sẽ giao lại cho ông S ½ giá trị.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 177/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đã quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh S là vợ chồng.

Về con chung: Không đặt ra.

Về tài sản: Ông Trần Thanh S được sở hữu, sử dụng ngôi nhà cùng vật dụng trong nhà gắn liền với phần diện tích đất 15.918,9m² tại ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau theo vị trí, kích thước thể hiện tại biên tập

“Bản vẽ hiện trạng” ngày 30/7/2025 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam thực hiện và tài sản là cây trồng trên đất hiện ông S đang quản lý (kèm theo biên tập “Bản vẽ hiện trạng”).

Ông Trần Thanh S có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị H số tiền 340.712.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D. Buộc ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị H mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D 5,5 chỉ vàng 24k.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D đối với 07 chỉ vàng 24k.

Về khoản nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và ông Nguyễn Văn C do không có yêu cầu độc lập nên không giải quyết trong cùng vụ án. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và ông Nguyễn Văn C với ông Trần Thanh S quyền thương lượng việc thanh toán nợ, nếu không thoả thuận được thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và ông Nguyễn Văn C có quyền khởi kiện ông Trần Thanh S để thu hồi nợ, không còn liên quan gì đến bà Nguyễn Thị H.

Về khoản nợ thu của ông Trần Văn Quảng và bà Phan Xuân Nhị thiếu 06 chỉ vàng 24k và 40.000.000 đồng đã được giải quyết theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 103/2023/QĐST-DS ngày 24/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau hiện đang trong giai đoạn thi hành án khi nào thu hồi được phía bà H sẽ chia hai với ông S nên không đặt ra. Trường hợp bà H không giao trả theo thoả thuận thì ông S có quyền khởi kiện bà H để buộc trả theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 29/9/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo: Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh cách đối trừ tiền nợ Ngân hàng trước khi chia tài sản chung, buộc ông S phải trả cho bà số tiền là 414.968.247 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 177/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh S, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] *Về nội dung:* Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 177/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cđã tuyên về hôn nhân không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh S là vợ chồng; về con chung do các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Xét thấy, ông S, bà H không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với những nội dung này nên những nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh cách đối trừ tiền nợ Ngân hàng trước khi chia tài sản chung là phần đất tại Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau) giá trị 1.140.000.000 đồng, buộc ông S phải trả cho bà số tiền là 414.968.247 đồng:

Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông S đều thống nhất thừa nhận nguồn gốc các phần đất tài sản chung và cách phân chia tài sản chung, cụ thể: đối với ngôi nhà và vật dụng trong nhà giá trị 225.000.000 đồng và phần diện tích đất 3.240m² tại ấp Mũi Tràm C, xã Đá Bạc, tỉnh Cà Mau là tài sản chung được tạo lập trong thời gian bà H và ông S sống chung nên mỗi người được hưởng ½ giá trị; phần đất còn lại tại ấp Mũi Tràm C, xã Đá Bạc, tỉnh Cà Mau giá trị 1.140.000.000 đồng được chia theo tỷ lệ 7/3 trong đó ông S được hưởng 70% tương đương 798.000.000 đồng, bà H hưởng 30% tương đương 342.000.000 đồng. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện và đầy đủ, căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Trần Thanh S thể hiện nguồn gốc phần đất là do gia đình ông S tặng cho và chỉ để một mình ông S đứng tên nhưng tại hồ sơ thể chấp quyền sử dụng đất thể hiện có chữ ký của ông S và bà H, cấp sơ thẩm đánh giá ý thức ông S đã nhập vào khối tài sản chung nên phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật là có cơ sở, đúng quy định. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thống nhất nguồn gốc đất do gia đình ông S tặng cho, công sức của ông S được xác định nhiều hơn so với bà H nên phía ông S được chia phần nhiều hơn và được tính theo tỷ lệ 7/3 như án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Tại cấp phúc thẩm, bà H không cung cấp thêm tình tiết mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà, do đó, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà H.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 177/2025/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – C.

Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 14 và Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 157, Điều 158, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh S là vợ chồng.

2. Về con chung: Không đặt ra.

3. Về tài sản: Ông Trần Thanh S được sở hữu, sử dụng ngôi nhà cùng vật dụng trong nhà gắn liền với phần diện tích đất 15.918,9m² tại Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau) theo vị trí, kích thước thể hiện tại biên tập “Bản vẽ hiện trạng” ngày 30/7/2025 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam thực hiện và tài sản là cây trồng trên đất hiện ông S đang quản lý (kèm theo biên tập “Bản vẽ hiện trạng”).

Ông Trần Thanh S có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị H số tiền 340.712.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D. Buộc ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị H mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D 5,5 chỉ vàng 24k.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D đối với 07 chỉ vàng 24k.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 400.000 đồng và chi phí đo đạc 19.526.400 đồng, tổng cộng 19.926.400 đồng, phía ông S và bà H mỗi người chịu $\frac{1}{2} = 9.963.000$ đồng. Phần chi phí này bà H đã nộp xong nên buộc ông Trần Thanh S phải trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 9.963.000 đồng.

Kể từ khi bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông S chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành tháng ông S còn phải chịu thêm phần lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về khoản nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và ông Nguyễn Văn C do không có yêu cầu độc lập nên không giải quyết trong cùng vụ án. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và ông Nguyễn Văn C với ông Trần Thanh S có quyền thương lượng việc thanh toán nợ, nếu không thoả thuận được thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và ông Nguyễn Văn C có quyền khởi kiện ông Trần Thanh S để thu hồi nợ, không còn liên quan gì đến bà Nguyễn Thị H.

Về khoản nợ thu của ông Trần Văn Quảng và bà Phan Xuân Nhị thiếu 06 chỉ vàng 24k và 40.000.000 đồng đã được giải quyết theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 103/2023/QĐST-DS ngày 24/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau hiện đang trong giai đoạn thi hành án khi nào thu hồi được phía bà H sẽ chia hai với ông S nên không đặt ra. Trường hợp bà H không giao trả theo thoả thuận thì ông S có quyền khởi kiện bà H để buộc trả theo quy định.

7. Về án phí:

7.1. Án phí sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (ly hôn) bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (chia tài sản) bà Nguyễn Thị H phải chịu 14.184.000 đồng, ông Trần Thanh S phải chịu 45.798.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (về nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà D) phía bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh S mỗi người phải chịu 2.852.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005911 và 11.758.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005912 cùng ngày 19/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau) được khấu trừ, phần còn thiếu bà H phải tiếp tục nộp.

7.2. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000571 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí toàn bộ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC
tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- TAND Khu vực 3 - C (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 3 - C (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà

Bùi Anh Tuấn

Châu Minh Nguyệt